

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 8 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Mậu Thìn

2. Bà Trịnh Tiểu Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Giàu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2016/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Tỉnh lộ X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Hồng Nhung S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Aztec Rd Apt Atlanta, GA, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2016 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Hồng Nhung S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2011. Sau khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau tại nhà anh T ở thành phố B, tỉnh Bạc Liêu khoảng 01 tháng thì chị Nhung S sang Mỹ, sau đó chị Nhung S về Việt Nam khoảng 03 đến 04 lần, mỗi lần chị Nhung S về Việt Nam và cùng anh chung sống với nhau ở nhà anh khoảng 15 đến 30 ngày, từ năm 2014 cho đến nay chị Nhung S không còn về Việt

Nam. Hiện tại anh vẫn còn liên lạc được với chị Nhung S và chị Nhung S cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Do anh phỏng vẫn không đạt nên không thể sang Mỹ để đoàn tụ được với chị Nhung S, quá trình chung sống tính tình không hợp, không thường xuyên liên lạc và cũng không hỏi thăm gì được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc lâu dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Phạm Hồng Nhung S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Hồng Nhung S: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị Nhung S theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của chị Nhung S về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa chị với anh T và chị cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được, chị Nhung S cũng không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được Tòa án ủy thác tư pháp tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng kể từ năm 2014 đến nay, anh T và chị Nhung S không còn sống chung và cũng không gặp mặt; anh T cũng không thể sang Mỹ để gặp mặt chị Nhung S được, nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Nhung S. Anh T xác định về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Thanh T đối với chị Phạm Hồng Nhung S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của anh Trần Thanh T và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Hồng Nhung S là người có quốc tịch Mỹ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện việc ủy thác tư pháp tổng đạt cho chị Phạm Hồng Nhung S theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị Nhung S không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Hồng Nhung S.

[4] Về nội dung: Anh Trần Thanh T và chị Phạm Hồng Nhung S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2011. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh Trần Thanh T và chị Phạm Hồng Nhung S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

[5] Sau khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau tại nhà anh T ở thành phố B, tỉnh Bạc Liêu khoảng 01 tháng thì chị Nhung S sang M, sau đó chị Nhung S có về Việt Nam khoảng 03 đến 04 lần, từ năm 2014 cho đến nay chị Nhung S không còn về Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, nhưng kể từ năm 2014 đến nay, anh T và chị Nhung S không còn sống chung, không gặp mặt và anh T cũng không thể sang Mỹ để đoàn tụ với chị Nhung S được. Hiện nay anh T và chị Nhung S sinh sống ở hai Quốc gia khác nhau nên mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh T đối với chị Phạm Hồng Nhung S.

[6] Về con chung và tài sản chung: Anh Trần Thanh T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị không có con chung và tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí: Anh Trần Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T, xử cho anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Phạm Hồng Nhung S. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T đối với chị Phạm Hồng Nhung S.

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Phạm Hồng Nhung S.

2. Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0006168 ngày 30/01/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000179 ngày 15/6/2016 và số 0000675 ngày 27/12/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí ủy thác tư pháp.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và chị Phạm Hồng Nhung S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Như

